

NHẬN DIỆN BẢN SẮC TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT SỬ PHẠM

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 07/03/2017; ngày sửa chữa: 10/03/2017; ngày duyệt đăng: 21/03/2017.

Abstract: Nowadays English has become a world language and international language because of its colonial history regarding economics and culture. English does not only belong to countries where it is spoken as the first language, but a language as a wide variety of speech communities. Therefore, the expression 'World Englishes' is used to refer to all varieties of English worldwide. This phenomenon has brought about implications for English language teaching pedagogy. The article looks into the relationship between language and teachers' identity in teaching English in international contexts. It also suggests several recommendations for education practitioners to teaching and learning English.

Keywords: World Englishes, teachers' identity, ELT, ELF

1. Giới thiệu

Do lịch sử thuộc địa về mặt kinh tế và văn hóa, theo Phillipson và Pennycook, tiếng Anh hiện nay đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu [1]. Số lượng người không nói tiếng Anh như "tiếng mẹ đẻ" nhiều hơn những người nói tiếng Anh bản ngữ. Graddol ước tính hiện có khoảng trên 1 tỉ người không nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, trong khi số lượng người nói tiếng Anh bản ngữ là 350 triệu. Kachru chỉ ra mô hình ba vòng tròn đồng tâm về sự trải rộng của tiếng Anh gồm có vòng tâm (Inner Circle) thuộc về các nước nói tiếng Anh bản ngữ, vòng ngoài (Outer Circle) thuộc về các nước thuộc địa cũ của Anh và Mĩ, vòng mở rộng (Expanding Circle). Tiếng Anh không chỉ thuộc về những người nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, mà còn là một ngôn ngữ của nhiều cộng đồng khác. Do đó, khái niệm "những loại tiếng Anh thế giới" (World Englishes) được sử dụng để nói về những biến thể tiếng Anh sử dụng trên thế giới, đặc biệt là tiếng Anh được nói ở các nước châu Á và châu Phi. Hiện tượng "những loại tiếng Anh thế giới" đã mang lại sự thay đổi cho quá trình dạy và học tiếng Anh. Gần đây, có nhiều cuộc tranh luận về vấn đề tiếng Anh nào nên được giảng dạy ở các nước châu Âu, châu Á, châu Phi,...

2. Ngôn ngữ và sự nhận diện bản sắc

Theo Hamers và Blanc: *nhận diện bản sắc có thể bao gồm các đặc điểm: tổ tiên, lãnh thổ, thể chế, các giá trị, tiêu chuẩn và ngôn ngữ, tất cả các yếu tố trên giúp phân biệt nhóm văn hóa này với nhóm văn hóa khác; theo đó, ngôn ngữ là một yếu tố quan trọng của văn hóa, thành viên của một xã hội không nói cùng một ngôn ngữ thì cũng không chia sẻ tất cả những ý nghĩa và hành vi của xã hội đó* [2]. Khi ngôn ngữ là giá trị cốt lõi của một nhóm văn hóa, nó có thể là yếu tố

quan trọng quyết định đến nhận diện bản sắc của những thành viên trong xã hội. Do vậy, ngôn ngữ được coi là một dấu hiệu xác định nhận diện sắc tộc.

Có một vài nghiên cứu đề cập đến mối quan hệ giữa nhận diện ngôn ngữ sắc tộc và trình độ thông thạo ngôn ngữ [2]. Theo Giles - Byrne, khi sự nhận diện bản sắc trong một nhóm người (ingroup identification) yếu hoặc ngôn ngữ thứ nhất không phải là một yếu tố nổi bật của các thành viên nhóm sắc tộc, họ sẽ dễ dàng đạt được trình độ như người bản địa ở ngôn ngữ thứ hai [2]. Trái lại, khi "sự nhận diện bản sắc trong một nhóm người mạnh mẽ hoặc ngôn ngữ thứ nhất là giá trị cốt lõi", thì "một cá nhân sống trong cộng đồng song ngữ sẽ có khả năng gặp khó khăn trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ bản ngữ ở ngôn ngữ thứ hai". Do đó, người học sống ở các nước châu Á, đặc biệt là ở Việt Nam ít có cơ hội sử dụng tiếng Anh với người bản ngữ sẽ rất khó để có được ngữ giọng của người bản địa. Những người có sự nhận diện sắc tộc mạnh mẽ có xu hướng thích tiếng Anh biến thể của riêng họ; trong khi những người có sự nhận diện sắc tộc yếu sẽ dễ dàng tiếp nhận ngữ giọng nước ngoài [3]. Jenkins cho rằng, ngữ giọng của những người nói tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ là một phần quan trọng trong sự nhận diện bản sắc của họ [4].

3. Ngôn ngữ, sự nhận thức và thái độ

Thái độ và niềm tin có thể ảnh hưởng đến cách mà con người sử dụng ngôn ngữ. Theo Hamers và Blanc: không có giá trị bên trong nào của một ngôn ngữ hoặc một biến thể làm cho nó trở nên "ưu thế hơn" hoặc "thấp kém hơn", đó chỉ là một vấn đề đánh giá của xã hội về ngôn ngữ hoặc biến thể của nhóm người;

* Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

sự đánh giá về cách nói thể hiện sự khuôn mẫu, thái độ và định kiến của các thành viên của cộng đồng này đối với người sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng khác và ngôn ngữ của họ. Kết quả của một số nghiên cứu về sự đánh giá ngữ giọng chỉ ra rằng: những người có giọng chuẩn mực bản ngữ thường được đánh giá tương đối cao về sự thông minh và địa vị xã hội so với người không có giọng chuẩn mực bản ngữ, nhưng không phải về sự thống nhất và đặc điểm thu hút. Tuy nhiên, một vài nghiên cứu khác cho rằng “ngữ giọng địa phương đôi khi được đánh giá yêu thích hơn ngữ giọng chuẩn mực” [2].

Một số nghiên cứu khác tìm hiểu niềm tin của giáo viên (GV) về những biến thể của tiếng Anh, chẳng hạn như: nghiên cứu của Young liên quan đến niềm tin của GV về những người bản địa và mô hình thay thế cho người học tiếng Anh, nghiên cứu của Jenkin về niềm tin và thái độ của người nói tiếng Anh bản địa và người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ.

Trong nghiên cứu của mình, Young and Walsh chỉ ra rằng không có GV nào thể hiện sự khó chịu về việc họ là những người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ”. Jenkins chỉ ra rằng giáo viên ủng hộ tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian (English as a lingua franca), theo đó họ cũng cho rằng không có cái gì gọi tiếng Anh hoàn hảo.

4. Một số đề xuất trong việc dạy và học tiếng Anh

Tiếng Anh hiện nay được học để đáp ứng việc giao tiếp quốc tế hơn là giao tiếp với người nói tiếng Anh bản địa, bởi số người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ nhiều hơn so với số người nói tiếng Anh bản ngữ [4]. Do đó, trong quá trình giảng dạy nên chú ý đến những người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ hơn là chủ yếu tập trung vào người nói tiếng Anh bản địa, nên áp dụng mô hình người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ [4]. Phát âm tiếng Anh chuẩn mực của người Anh hiện nay được nói bởi khoảng 3% những người nói tiếng Anh. Do vậy, mục đích của việc học tiếng Anh và phát âm nên chuyển *từ mục tiêu ngữ giọng bản địa sang mục tiêu để hiểu* [5]. Subtelny định nghĩa tính dễ hiểu là *sự đánh giá toàn diện về việc người nói có thể làm cho người khác hiểu họ nói gì* [1]. Đa số các cuộc nói chuyện liên văn hóa diễn ra giữa những người nói tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ hơn là giữa những người nói tiếng Anh bản địa và người nói tiếng Anh không phải tiếng bản địa [5]. Như vậy, quá trình dạy học tiếng Anh nói chung và phát âm nói riêng nên đáp ứng nhu cầu và mục tiêu của người học. Jones chỉ ra rằng: người học mong muốn có nhiều cơ hội

giao tiếp với người bản ngữ trong môi trường nghề nghiệp sẽ có nhu cầu và kì vọng khác với người học có kế hoạch sử dụng ngôn ngữ chủ yếu để giao tiếp với người không phải là người bản địa [6].

4.1. Chính sách giáo dục nên có sự thay đổi phù hợp và kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu của người học ngôn ngữ. Đầu tiên, đó là sự thay đổi cách nhìn của các nhà hoạch định chính sách giáo dục về World Englishes (các loại tiếng Anh Thế giới) cũng như ELF (English as a lingua franca - tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian). Khi các nhà hoạch định chính sách thấy được hiện tượng trải rộng của tiếng Anh và tầm quan trọng của việc hiểu biết về sự đa dạng các biến thể của tiếng Anh, thì sự thay đổi khác mới được diễn ra nhanh chóng. GV và các nhà giáo dục cần nắm được nhu cầu giao tiếp của người học trong các bối cảnh khác nhau với người nói tiếng Anh bản địa và cả những người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ. Theo Young và Walsh, tầm quan trọng của niềm tin của GV đã được chỉ rõ trong các nghiên cứu về sự linh hoạt ngôn ngữ thứ hai. Do đó, thay đổi niềm tin và thái độ của GV về tiếng Anh bản ngữ, các biến thể của tiếng Anh, giọng bản ngữ và ngữ giọng không bản ngữ là rất quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách giáo dục. Hơn nữa, về học liệu, nên giảm yếu tố bản địa trong giáo trình giảng dạy tiếng Anh và thêm vào yếu tố của nhóm người không sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ. Bộ giáo trình New Headway English được biên soạn bởi Krantz, Castle và Soars là một ví dụ điển hình về việc sử dụng các cuộc hội thoại tiếng Anh của người Nhật, Pháp và Tây Ban Nha. Việc có thêm nhiều học liệu như vậy sẽ góp phần vào việc thay đổi niềm tin của người dạy và người học ngôn ngữ, giúp họ nhận ra sự đa dạng và nhu cầu của việc học ngôn ngữ.

4.2. Phương pháp dạy học. Đề xuất đầu tiên trong dạy học tiếng Anh nói chung và phát âm nói riêng là phương pháp tiếp cận mới. Hinkel gợi ý rằng phương pháp giảng dạy phát âm và ngữ điệu nên dựa trên *hình mẫu ngôn ngữ thực tế hơn là hình mẫu lí tưởng* [5]. Jenkins đề xuất chương trình học âm vị học cho những người học tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế; trong chương trình này bao gồm các đặc điểm âm vị học và ngữ âm thiết yếu để đảm bảo tính dễ hiểu trong các cuộc nói chuyện liên ngôn ngữ [4]. Đặc điểm cốt lõi này bao gồm bản tóm tắt phụ âm, yêu cầu âm, cụm phụ âm, sự phát âm và vị trí của trọng âm chính. GV cần giới thiệu các đặc điểm một cách dễ hiểu cho người học để giúp họ hiểu sự khác nhau giữa phát âm của họ và phát âm của người bản địa. Đối với người học có nhiều cơ hội giao tiếp với người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ

hơn người bản địa, GV có thể tập trung vào đặc điểm “có thể dạy được” để giúp các em nói và giao tiếp tốt trong các hoàn cảnh khác nhau.

Đề xuất thứ hai là hoạt động nâng cao nhận thức về các biến thể của tiếng Anh và vấn đề phát âm. Người dạy và người học nên học không chỉ tiếng Anh mà cả những biến thể của tiếng Anh, sự giống nhau, sự khác nhau và những vấn đề liên quan đến mối liên hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và sự nhận diện bản sắc; hoạt động nâng cao nhận thức giúp người dạy và người học tiếng Anh xem xét về thực tế ngôn ngữ học xã hội của chính họ, hơn là của một người bản địa [6]. Những hoạt động đó giúp người học nắm được sự đa dạng của tiếng Anh. Hơn nữa, tiếng Anh có thể được nói bằng ngữ giọng địa phương của người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, nhưng người đối thoại phải đảm bảo được tính dễ hiểu trong giao tiếp. Do đó, hoạt động nâng cao nhận thức về vấn đề phát âm đóng vai trò quan trọng trong dạy và học tiếng Anh. Ví dụ: người Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi tiếp nhận phát âm tiếng Anh bởi hệ thống phát âm tiếng Anh khác biệt so với hệ thống phát âm tiếng Việt. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, sự linh hoạt hệ thống âm thanh của ngôn ngữ thứ hai bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp từ ngôn ngữ thứ nhất của người học hơn các hệ thống khác [7]. Ellis cho rằng, khi ngôn ngữ bản địa và ngôn ngữ đích có điểm chung, quá trình học có thể diễn ra dễ dàng hơn thông qua việc chuyển ngữ tích cực, nhưng khi các ngôn ngữ có nhiều sự khác biệt, người học có thể sẽ gặp nhiều khó khăn và mắc lỗi từ quá trình chuyển ngữ tiêu cực [6]. Mặc dù các hoạt động nâng cao nhận thức giúp người học phân biệt sự khác nhau giữa hệ thống ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai, nhưng chưa có nhiều hoạt động này trong các lớp học tiếng Anh tại Việt Nam.

Ngôn ngữ là một phần của văn hóa, đồng thời thể hiện sự nhận diện bản sắc. Mặc dù có nhiều người sử dụng tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ thích ngữ giọng Anh hoặc Mỹ, có nhiều người khác lại cho rằng ngữ giọng riêng của họ là một phần quan trọng, thể hiện sự nhận diện bản sắc. Do đó, GV ngôn ngữ và các nhà giáo dục nên lựa chọn và khai thác biến thể tiếng Anh thích hợp với ngữ cảnh địa phương, giúp người học nắm được mô hình phát âm dựa trên ngữ giọng địa phương của họ với sự điều chỉnh theo khái niệm tiếng Anh là “ngôn ngữ trung gian” nhằm đảm bảo cho quá trình giao tiếp được hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

[1] Ha, P. L (2004). *University classroom in Vietnam: contesting the stereotypes*. ELT Journal 58(1), 50 - 57.

- [2] Hamers, J. F - Blanc, M.H.A (1989). *Bilingualism and bilingualism* (2nd ed.): Cambridge University Press.
- [3] Bresnahan, M. J - Ohashi, R - Nebashi, R - Liu, W. Y - Shearman, S. M (2002). *Attitudinal and affective response toward accented English*. Language and Communication 22, 171-185.
- [4] Jenkins, J (2002). *A sociolinguistically based, empirically researched pronunciation syllabus for English as an International Language Applied Linguistics*, 23(1), 83-103.
- [5] Hinkel, E (2006). *Current perspectives on teaching the four skills*. TESOL Quarterly, 40(1), 109-131.
- [6] Jenkins, J (2006). *Current perspectives on teaching World Englishes and English as a Lingua Franca*. TESOL Quarterly, 40(1), 157-181.
- [7] Celce-Murcia, M - Brinton, D.M - Goodwin, J.M (1996). *Teaching pronunciation: A reference for teachers of English to speakers of other languages*: Cambridge University Press.
- [8] Ellis, R (2008). *The study of second language acquisition* (2nd ed.). USA: Oxford University Press.
- [9] Jenkins, J (2005). *Implementing an international approach to English pronunciation: The role of teacher attitudes and identity*. TESOL Quarterly, 39(3), 535-543.
- [10] Jones, R.H (1997). *Beyond ‘Listen and Repeat’: Pronunciation teaching materials and theories of second language acquisition*. System, 25(1), 103-112.

Sử dụng nguyên tắc mục tiêu Smart...

(Tiếp theo trang 76)

suy giảm khi họ gặp khó khăn. Vì vậy đặt ra mục tiêu kết quả để có tính lôi cuốn người học nhưng bên cạnh đó thiết lập mục tiêu SMART để giảm tải và cụ thể hóa nhiệm vụ một cách định lượng và đều đặn trong suốt quá trình học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] David Rock (2015). *Làm chủ bộ não*. NXB Lao động.
- [2] Keithferrazzi (2009). *Ai che lung cho bạn*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Locke - E. A. - Latham - G. P (1990). *New Directions in Goal-Setting Theory*.
- [4] Shaw - K. N. (2004). *Academy of Management Executive*, 19, 124-131.
- [5] Seijts - GH - và Latham - GP 2005.
- [6] Talya Bauer - Berrin Erdogan (2012). *An Introduction to Organizational Behavior*.
- [7] Tubbs - Mark E. *Goal setting: A meta-analytic examination of the empirical evidence*. Journal of Applied Psychology, Vol 71(3), Aug 1986, 474-483 <http://psycnet.apa.org/>
- [8] Talya Bauer, Berrin Erdogan, (2012). *An Introduction to Organizational Behavior*.